MỤC LỤC

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....4

ĐIỀU 1 ĐỊNH NGHĨA.....4

CHƯƠNG II TÊN, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CTY 4

ĐIỀU 2 TÊN, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CTY 4

CHƯƠNG III LĨNH VỰC, PHẠM VI KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY 5

ĐIỀU 3 LĨNH VỰC, PHẠM VI KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY.....5

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 6

ĐIỀU 4 VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....6

ĐIỀU 5 SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG 7

ĐIỀU 6 CỔ PHIẾU.....8

ĐIỀU 7 CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN.....9

ĐIỀU 8 THỪA KẾ CỔ PHẦN.....9

ĐIỀU 9 THU HỒI CỔ PHẦN.....10

ĐIỀU 10 MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG 10

ĐIỀU 11 MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY 11

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY 11

ĐIỀU 12 CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY 11

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....12

ĐIỀU 13 QUYỀN HẠN CỦA CỔ ĐÔNG CÔNG TY 12

ĐIỀU 14 NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG.....13

ĐIỀU 15 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 13

ĐIỀU 16 QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....14

ĐIỀU 17 ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN.....16

ĐIỀU 18 THAY ĐỔI CÁC QUYỀN 17

ĐIỀU 19 TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI VÀ THÔNG BÁO ĐẠI HỘI.....17

ĐIỀU 20 ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 18

ĐIỀU 21 BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 21

ĐIỀU 22 THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....21

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....23

ĐIỀU 23 THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ.....23

ĐIỀU 24 MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 24

ĐIỀU 25 QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 25

ĐIỀU 26 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....26

ĐIỀU 27 HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 27

CHƯƠNG VIII GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHÂN SỰ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY .29

ĐIỀU 28 TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ 29

ĐIỀU 29 BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH.....29

ĐIỀU 30 THƯ KÝ CÔNG TY 30

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT 31

ĐIỀU 31 BẦU BAN KIỂM SOÁT.....31

ĐIỀU 32 QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT.....31

ĐIỀU 33 NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN BAN KIỂM SOÁT.....32

CHƯƠNG X NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY 33

ĐIỀU 34 NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY.....33

ĐIỀU 35 TRÁCH NHIỆM VÀ BỒI THƯỜNG.....34

CHƯƠNG XI TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ TỔ CHỨC XÃ HỘI KHÁC.....34

ĐIỀU 36 TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ TỔ CHỨC XÃ HỘI KHÁC 34

CHƯƠNG XII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....34

ĐIỀU 37 CỔ TỨC.....34

CHƯƠNG XIII TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ CÔNG TY, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....35

ĐIỀU 38 TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG.....35

ĐIỀU 39 TRÍCH LẬP CÁC QUỸ 36

ĐIỀU 40 NĂM TÀI CHÍNH 36

ĐIỀU 41 HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....36

CHƯƠNG XIV BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG 36

ĐIỀU 42 BÁO CÁO HÀNG NĂM, SÁU THÁNG VÀ HÀNG QUÝ 36

ĐIỀU 43 KIỂM TOÁN.....37

CHƯƠNG XV CON DẤU 37

ĐIỀU 44 CON DẤU.....37

CHƯƠNG XVI CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ 38

ĐIỀU 45 CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG 38

ĐIỀU 46 GIẢI QUYẾT BẾ TẮC GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CỔ ĐÔNG.....38

ĐIỀU 47 THANH LÝ CÔNG TY.....38

CHƯƠNG XVII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 39

ĐIỀU 48 GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 39

CHƯƠNG XVIII SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....39

ĐIỀU 49 SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....39

CHƯƠNG XIX NGÀY HIỆU LỰC 40

ĐIỀU 50 NGÀY HIỆU LỰC.....40

ĐIỀU 51 CHỮ KÝ CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 40

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông họp ngày 24 tháng 08 năm 2008 tại Đồng Nai.

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH TỪ NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1 ĐỊNH NGHĨA

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ sau đây sẽ được hiểu như sau:
   - 1.1 "Vốn điều lệ" có nghĩa là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 4 của Điều lệ này.
   - 1.2 "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
   - 1.3 "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
   - 1.4 "Người quản lý" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế Toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty, được Hội đồng Quản trị phê chuẩn.
   - 1.5 "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.17 Luật Doanh Nghiệp.
   - 1.6 "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết.
   - 1.7 "Việt Nam" là Nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II TÊN, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 2 TÊN, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Tên của Công ty bằng tiếng Việt:

   CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TIẾN ĐÔNG Á

   Tên tiếng Anh:

   VIET TIEN DONG A CORPORATION

   Tên viết tắt:

VIET TIEN DONG A CORP.

Tên giao dịch : **VTDA®**

Logo của Công Ty :

Công ty hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật của Việt Nam và theo Điều lệ này.

2. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ	:	Đường N4, KCN Vinatex Tân Tạo, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại	:	(84-61) 3569152
Fax	:	(84-61) 3569153
Email	:	vtda@viettiendonga.com
Website	:	http://www.viettiendonga.com

3. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại các địa bàn kinh doanh để thực hiện những mục tiêu kinh doanh của Công ty trong phạm vi pháp luật cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 45 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

CHƯƠNG III LĨNH VỰC, PHẠM VI KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 3 LĨNH VỰC, PHẠM VI KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:
   - Sản xuất chỉ, sợi, sản phẩm từ gỗ. Hoàn thiện sản phẩm dệt. May mặc.
   - Sản xuất sản phẩm từ gỗ, Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị ngành dệt may.
   - Gia công cơ khí. Xây dựng nhà các loại.
   - Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng ngành dệt may, hàng may mặc.
   - Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng. Xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng.
   - Sản xuất nhựa gia dụng, thiết bị điện, điện tử, điện gia dụng, dây và cáp điện.
   - Mua bán, XNK nguyên vật liệu nhựa, thiết bị điện, điện tử, điện gia dụng, dây và cáp điện.
   - Vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh, nội tỉnh.
   - Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng.
   - Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa. Đại lý tàu biển, hàng không.

- Tư vấn đầu tư trong nước và ngoài nước (trừ tư vấn pháp luật và tư vấn thiết kế xây dựng công trình)
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty:

   2.1 Công ty được quyền tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh như quy định trong Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và bản Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm đạt được các mục tiêu của Công ty.

   2.2 Công ty được quyền tiến hành những hoạt động kinh doanh khác mà pháp luật cho phép nếu được Hội đồng Quản trị xem xét thông qua.

3. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

   Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của mình và các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật; khai thác tối đa các nguồn lực của Công ty, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập, đời sống cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

ĐIỀU 4 VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

1. Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là **50.000.000.000 đồng** ***(Năm mươi tỷ đồng Việt Nam)***; tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **5.000.000** cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là **10.000** đồng Việt Nam.
2. Tất cả các cổ phần được phát hành của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.
3. Cổ đông sáng lập: là các cổ đông thỏa mãn các điều kiện sau :
   - Cùng tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản điều lệ đầu tiên của Công ty.
   - Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập .
4. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần khác và các quyền kèm theo để huy động vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Tùy theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, một phần hoặc toàn bộ số cổ phần phát hành thêm sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ nắm giữ hiện tại của từng cổ đông. Công ty phải thông báo việc chào bán, nêu rõ số lượng cổ phần chào bán, giá chào bán, thời hạn chào bán và các điều kiện chào bán khác để cổ đông đặt mua

theo đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị Công ty sẽ quyết định phương án phân phối số lượng cổ phần chào bán chưa hết sau khi đã phân phối cho các cổ đông. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

7. Công ty có quyền mua lại cổ phần do chính Công ty phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại sẽ được giữ làm cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có quyền phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 5 SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Từ khi được cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông như là một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu cổ phần của cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông gồm có các nội dung sau:

   1.1 Tên và trụ sở chính của Công ty;

   1.2 Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

   1.3 Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

   1.4 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức;

   1.5 Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;

   1.6 Các chi tiết khác do Hội đồng Quản trị quy định tại từng thời điểm.

2. Sổ đăng ký cổ đông có thể lập và lưu giữ bằng văn bản và bằng tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký chứng khoán.

3. Giám đốc sẽ chịu trách nhiệm về việc bảo quản, cập nhật Sổ Đăng ký Cổ đông, và về tính chính xác của tất cả các thông tin ghi chép trong Sổ Đăng ký Cổ đông.

4. Chậm nhất là 14 ngày sau khi nhận đủ khoản thanh toán của các cổ phần do Công ty phát hành, Giám đốc sẽ tổ chức ghi chép các chi tiết có liên quan đến cổ đông vào trong Sổ đăng ký cổ đông.

5. Cổ đông có quyền xem xét, tra cứu hoặc trích lục các thông tin trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, chứng khoán.

6. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký

kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

7. Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của mình. Trong trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin khác sẽ được gửi cho cổ đông theo địa chỉ mới nhất lưu trong Sổ đăng ký cổ đông.

ĐIỀU 6 CỔ PHIẾU

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
2. Hình thức cổ phiếu phát hành do Hội đồng quản trị quyết định. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
   - 2.1 Tên và trụ sở Công ty;
   - 2.2 Số và ngày cấp giấy CNĐKKD;
   - 2.3 Số lượng cổ phần và các loại cổ phần;
   - 2.4 Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
   - 2.5 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức;
   - 2.6 Số đăng ký tại Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
   - 2.7 Chữ ký của Chủ tịch HĐQT và dấu của Công ty.
3. Sau khi cổ đông đã được ghi tên vào trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty theo quy định tại Điều 5 của Điều lệ này, Giám đốc phải cấp cho cổ đông chứng chỉ cổ phiếu có ghi rõ số cổ phần mà người này đang nắm giữ.
4. Công ty cũng có thể phát hành giấy chứng nhận sở hữu cổ phần có xác nhận số cổ phần của cổ đông sở hữu thay cho các tờ cổ phiếu. Giấy chứng nhận này cũng là chứng từ làm cơ sở để thực hiện các thủ tục và bút toán chuyển nhượng cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.
5. Đối với những cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các Công ty chứng khoán hoặc mua cổ phần của Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán, thì quyền sở hữu đối với cổ phần của Công ty được xác nhận theo các quy định của Pháp luật về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán.
6. Mọi thể nhân hay pháp nhân khi trở thành cổ đông của Công ty đều được cấp chứng chỉ cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng chỉ cổ phiếu là chứng chỉ cổ phiếu ghi danh (có ghi tên cổ đông trên chứng chỉ).
7. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần. Trường hợp cổ đông nắm giữ nhiều loại cổ phần khác nhau do Công ty phát hành thì tương ứng mỗi loại cổ phần Công ty phải cấp cho cổ đông một chứng chỉ cổ phiếu.

8. Trường hợp cổ đông ghi danh chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được phát hành.
9. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch HĐQT và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.
10. Trường hợp cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

    Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

ĐIỀU 7 CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Các loại cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng cổ phần phải tuân thủ đúng theo Quy chế chuyển nhượng cổ phần của Công ty do HĐQT Công ty ban hành, quy định của Điều lệ này và theo pháp luật hiện hành.
2. Việc chuyển nhượng chỉ xem là hoàn tất khi việc chuyển nhượng đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt, đồng thời các chi tiết liên quan đến người được chuyển nhượng đã được ghi chép vào Sổ đăng ký cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.
3. Trong mọi trường hợp, Công ty không chịu trách nhiệm về việc thanh toán tiền chuyển nhượng giữa hai bên chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng cũng như thoả thuận về việc phân chia cổ tức và các quyền cổ đông khác trong thời gian thực hiện các thủ tục chuyển nhượng nêu trên.
4. Cổ phiếu của Công ty khi đã niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán.
5. Những cổ phần chưa thanh toán đầy đủ sẽ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan đến số cổ phần này, bao gồm cả quyền nhận cổ tức.

ĐIỀU 8 THỪA KẾ CỔ PHẦN

1. Việc thừa kế cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật về thừa kế và các quy định, pháp luật khác có liên quan.
2. Trường hợp có cổ đông qua đời, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của cổ đông đó (được pháp luật công nhận) sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hưởng lợi đối với cổ phần mà người đó nắm giữ.
3. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế sẽ được đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế và trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi cũng như thực hiện mọi nghĩa vụ có liên quan của cổ đông mà họ thừa kế.

4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế và không có di chúc để lại, thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được nhập vào thành tài sản chung của Công ty.
5. Cổ phần của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và những người quản lý khác cũng được thừa kế; nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không đương nhiên được thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

ĐIỀU 9 THU HỒI CỔ PHẦN

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp thuận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5, 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỉ lệ vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

ĐIỀU 10 MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ của Công ty có quyền đề nghị Công ty mua lại cổ phiếu của mình. Đề nghị phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do đề nghị Công ty mua lại. Đề nghị phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty sẽ xem xét việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức chuyên nghiệp định giá.

ĐIỀU 11 MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY

Công ty có quyền mua lại tối đa không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hay toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần của từng lọai đã được chào bán trong mỗi 12 tháng do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp từ 10% trở xuống, việc mua lại cổ phần do Hội đồng Quản trị quyết định.
2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không thấp hơn giá thị trường.
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến tất cả các cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo đó phải nêu rõ: tên và trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại (hoặc công thức định giá mua lại), thủ tục và thời hạn thanh toán cổ phần được mua, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

   Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi thư chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ Đông là tổ chức, số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán, phương thức thanh toán, chữ ký của Cổ Đông hoặc người đại diện theo Pháp Luật của Cổ Đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.
4. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các khoản nợ của Công ty.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 12 CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm :

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;

3. Ban Kiểm soát;
4. Ban Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 13 QUYỀN HẠN CỦA CỔ ĐÔNG CÔNG TY

Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

1. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau đây:
   - 1.1 Tham dự hoặc ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Hội Đồng Quản Trị hay những người triệu tập họp khác có nghĩa vụ lập danh sách cổ đông có quyền dự họp tại Đại Hội. Danh sách này sẽ được xác định theo từng thời điểm, phù hợp với điều kiện tổ chức họp cụ thể có căn cứ đến số lượng cổ phần mà cổ đông sở hữu.
   - 1.2 Nhận cổ tức;
   - 1.3 Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông theo quy định của pháp luật và quy chế chuyển nhượng cổ phần của Công ty;
   - 1.4 Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ sở hữu;
   - 1.5 Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
   - 1.6 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
   - 1.7 Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ, các nghĩa vụ phải thực hiện, và cổ đông ưu đãi (nếu có) theo quy định của pháp luật;
   - 1.8 Đề nghị Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 11 của Điều lệ này;
   - 1.9 Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Ngoài các quyền được Điều lệ này hoặc pháp luật quy định, cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên, có các quyền sau:
   - 2.1 Đề cử người làm thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại các Khoản 6 Điều 23 và Khoản 4 Điều 31 của Điều lệ này;
   - 2.2 Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật; Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức, số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của

từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung cần phải Đại hội cổ đông bất thường.

2.3 Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

2.4 Đề nghị Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết; Đề nghị phải thể hiện bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

2.5 Các quyền khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

ĐIỀU 14 NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Cổ đông có các nghĩa vụ sau đây:

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Chấp hành tất cả các nghị quyết hay quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
   - 5.1 Vi phạm pháp luật;
   - 5.2 Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
   - 5.3 Thanh toán các khoản nợ phải trả chưa đến hạn có thể gây ra rủi ro tài chính đối với Công ty.

ĐIỀU 15 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông thực thi tất cả các quyền hạn của Công ty nhưng không làm giảm hoặc giới hạn các quyền của Hội đồng Quản trị quy định theo Điều lệ này.
2. Các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng Quản trị triệu tập và được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chánh và tại địa điểm trên lãnh thổ Việt Nam do Hội đồng Quản trị quyết định tùy

thuộc vào từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết và thông qua những vấn đề do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

3. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

3.1 Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

3.2 Số liệu trong bảng cân đối kế toán quý, nửa năm hoặc cả năm của Công ty cho thấy vốn điều lệ của Công ty bị giảm một nửa (50%) trở lên;

3.3 Khi số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị bị giảm quá 02 (hai) thành viên.

3.4 Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông như quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường bằng văn bản có đầy đủ chữ ký của các cổ đông liên quan và nêu rõ lý do, mục đích của việc triệu tập;

3.5 Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Ban Kiểm soát có bằng chứng về việc các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc những người quản lý cấp cao của Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ được quy định tại Điều 119 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

4.1 Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại mục 4, mục 5, Khoản 3, Điều này.

4.2 Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo.

4.3 Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo yêu cầu, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu triệu tập cuộc họp được quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến trình cuộc họp nếu xét thấy cần thiết.

4.4 Tất cả chi phí tổ chức Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty chi trả. Những chi phí này không bao gồm những chi phí mà cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

4.5 Những người có trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ cũng phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

ĐIỀU 16 QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
   - 1.1 Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
   - 1.2 Báo cáo của Ban Kiểm soát;
   - 1.3 Báo cáo của Hội đồng quản trị;
   - 1.4 Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
   - 2.1 Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
   - 2.2 Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
   - 2.3 Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
   - 2.4 Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc Công ty;
   - 2.5 Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
   - 2.6 Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;
   - 2.7 Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
   - 2.8 Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, tổ chức lại hoặc giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;
   - 2.9 Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
   - 2.10 Quyết định giao dịch bán tài sản của Công ty hoặc Chi nhánh; hoặc giao dịch mua tài sản có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tính trên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
   - 2.11 Công ty mua lại trên mười phần trăm (10%) một loại cổ phần đang lưu hành của Công ty;
   - 2.12 Việc Công ty hoặc Chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
   - 2.13 Việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị đồng thời làm Giám đốc Công ty;
   - 2.14 Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
   - 3.1 Các hợp đồng quy định tại Mục 12, Khoản 2 Điều này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của Hợp đồng;
   - 3.2 Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 17 ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Cổ đông có quyền trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng Cổ đông. Việc chỉ định hoặc huỷ bỏ người đại diện uỷ quyền phải được lập thành văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị, và sẽ có hiệu lực khi Hội đồng Quản trị nhận được văn bản này. Mỗi cổ đông cá nhân chỉ được ủy quyền 1 lần và uỷ quyền cho 1 người, các cổ đông là tổ chức có quyền cử 01 (một) người, trừ các cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền cử tối đa 03 (ba) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

   Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

   1.1 Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

   1.2 Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và chữ ký người được ủy quyền dự họp có đóng dấu của tổ chức đó;

   1.3 Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp,

   Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi văn bản ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị của Công ty 02 (hai) ngày trước ngày tổ chức Đại hội (có thể gửi qua Fax hoặc email) và nộp văn bản ủy quyền (bản chính) trước khi vào phòng họp.

2. Người Đại diện uỷ quyền được cổ đông chỉ định không được uỷ quyền lại cho bất kỳ người nào khác, và cũng không được thực hiện các quyền khác ngoài phạm vi được uỷ quyền theo văn bản chỉ định đại diện ủy quyền. Người đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là một Cổ đông.

3. Trường hợp Luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu Giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho Luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó.

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

   a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
   b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
   c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

   Tuy nhiên, điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông

báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

ĐIỀU 18 THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

1. Trường hợp vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau thì các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần chỉ có thể được thay đổi hoặc huỷ bỏ khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành của loại cổ phiếu đó;
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 2 cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần lọai đó đã phát hành. Truờng hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu.

   Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại điều 20 điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

ĐIỀU 19 TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI VÀ THÔNG BÁO ĐẠI HỘI

1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

   Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo quyết định của Hội đồng Quản trị, trừ các trường hợp được quy định tại Mục 2 và 3 Khoản 4 Điều 15 của Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
   - 2.1 Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày tiến hành Đại hội; chuẩn bị chương trình nghị sự của Đại hội, các tài liệu theo quy định phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty;
   - 2.2 Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
   - 2.3 Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Nội dung thông báo sẽ được công bố trên Website của Công ty. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời

công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua đường bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể gửi tận tay hoặc thông báo trên loa đài tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày tổ chức Đại hội tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề để đưa vào chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Hội đồng Quản trị Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi bắt đầu Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần nắm giữ, những nội dung đề xuất đưa vào chương trình Đại hội.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất quy định tại khoản 4 Điều này nếu:

   5.1 Đề xuất không được gửi đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

   5.2 Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đảm bảo điều kiện về việc nắm giữ trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên;

   5.3 Đề xuất không đủ thông tin cần thiết;

   5.4 Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình Đại hội.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

ĐIỀU 20 ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ làm chủ tọa để chủ trì Đại hội đồng cổ đông. Nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó chủ tịch hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì Đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức

vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một hoặc hai thư ký để lập Biên bản Đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

2. Trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua bởi ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:
   a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm
   b. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
   c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc Công ty.
   d. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 điều này.
3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán, sáp nhập, tái cấu trúc, giải thể và quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty phải được thông qua bởi ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi số lượng cổ đông hoặc người được uỷ quyền tham dự đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không đủ số lượng tham dự cần thiết, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội thứ nhất. Trong Đại hội được triệu tập lại, số lượng cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự phải đại diện cho ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu Đại hội lần thứ hai không thể tiến hành do không đủ số lượng tham dự, Đại hội lần thứ ba phải được triệu tập lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự kiến Đại hội lần hai. Trong Đại hội thứ ba, bất kỳ số lượng cổ đông và đại diện ủy quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề được đưa ra để thảo luận và thông qua tại Đại hội.
5. Theo đề nghị, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Điều lệ này.
6. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được tiến hành liên tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp.
7. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, số lượng phiếu biểu quyết của cổ đông hoặc người được uỷ quyền của cổ đông

đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số phiếu tán thành Nghị quyết được thu trước, số phiếu phản đối Nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá mười một người.

8. Cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết ngay tại Đại hội những vấn đề chưa được Đại hội biểu quyết. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

9. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

10. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng (a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp, hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội cũng có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các vấn đề lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.

    Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định nêu trên, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu một người khác trong số các thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến khi kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

11. Chủ tọa hoặc Thư ký Đại hội được quyền hành động thích hợp để điều khiển Đại hội diễn ra hợp lệ, trật tự và phản ánh được ý kiến của đa số đại biểu tham dự.

12. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

13. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

    a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
    b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
    c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp khác nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết, các biện pháp có thể áp dụng là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

14. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

    a. Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó (Địa điểm chính của Đại hội);

    b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

    Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

15. Trong điều lệ này (trừ khi hòan cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.

    Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

ĐIỀU 21 BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Tất cả cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập thành biên bản. Biên bản phải phản ánh các nội dung sau đây:
    - 1.1 Thời gian và địa điểm Đại hội đồng cổ đông;
    - 1.2 Tên Chủ tọa và Thư ký;
    - 1.3 Chương trình làm việc;
    - 1.4 Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
    - 1.5 Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự, phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
    - 1.6 Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu trắng, các vấn đề được thông qua;
    - 1.7 Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt, hoàn thiện và thông qua trước khi tuyên bố bế mạc Đại hội.
3. Biên bản ĐHĐCĐ, các nghị quyết của ĐHĐCĐ và các bằng chứng cần thiết khác phải được lưu giữ đầy đủ tại trụ sở chính Công ty trong thời gian tối thiểu 10 năm kể từ ngày tổ chức đại hội.

ĐIỀU 22 THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình có liên quan (nếu cần thiết). Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
   b. Mục đích lấy ý kiến;
   c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
   d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
   e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
   f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
   g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

   Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý trong Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
   b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
   c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
   d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
   e. Các quyết định đã được thông qua;
   f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

   Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về

các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

   Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

   9.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty;

   9.2 Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 23 THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ

1. Hội đồng Quản trị có ba (03) đến 05 (năm) thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT và các thành viên.
2. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có nhiệm kỳ 05 năm và có thể được Đại hội đồng Cổ đông bầu lại sau khi hết nhiệm kỳ. Việc thay thế thành viên HĐQT phải theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo trong HĐQT mới có ít nhất một (01) thành viên cũ.
3. Nếu trong Hội đồng Quản trị có chỗ khuyết, Đại hội đồng Cổ đông sẽ bầu bổ sung thành viên thay thế trong nhiệm kỳ của thành viên còn khuyết.
4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị.
5. Hội đồng quản trị được bầu theo hình thức bầu dồn phiếu tại Đại hội đồng cổ đông, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại điều lệ Công ty.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

   6.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý

doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, điều 13 Luật Doanh nghiệp;

6.2 Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục 6 (sáu) tháng trở lên, hoặc cổ đông sở hữu ít hơn 5% tổng số cổ phần của Công ty hoặc người không phải là cổ đông thì phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, có khả năng tổ chức, quản lý doanh nghiệp, có năng lực trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề chính của Công ty;

6.3 Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần phổ thông của Công ty trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên đề cử; Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ từ trên mười phần trăm (10%) đến ba mươi phần trăm (30%) thì được đề cử một (01) thành viên; từ trên ba mươi phần trăm (30%) đến năm mươi phần trăm (50%) thì được quyền đề cử hai (02) thành viên; từ trên năm mươi phần trăm (50%) đến sáu mươi lăm phần trăm (65%) thì được đề cử ba (03) thành viên; và nếu lớn hơn sáu mươi lăm phần trăm (65%) thì được đề cử bốn (04) thành viên. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT đương nhiệm đề cử.

6.4 Có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết về pháp luật.

7. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh điều hành và người quản lý của Công ty.

ĐIỀU 24 MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

1.1 Thành viên Hội đồng Quản trị không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Khoản 6 Điều 23 của Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

1.2 Thành viên Hội đồng Quản trị xin từ nhiệm bằng văn bản;

1.3 Thành viên Hội đồng Quản trị mất năng lực pháp lý và năng lực hành vi;

1.4 Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi miễn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, và trong thời gian này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá hai (02) thành viên thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

4. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để bổ sung thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

ĐIỀU 25 QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hội đồng Quản trị quản lý, chỉ đạo thực hiện các hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty trong phạm vi nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
   - 3.1 Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư và tài chính hàng năm của Công ty;
   - 3.2 Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu và chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
   - 3.3 Bổ nhiệm và bãi nhiệm người quản lý của Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
   - 3.4 Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
   - 3.5 Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại người quản lý đó;
   - 3.6 Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu có thể phát hành theo từng loại;
   - 3.7 Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
   - 3.8 Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
   - 3.9 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay người quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).
   - 3.10 Đề xuất mức cổ tức hàng năm, xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
   - 3.11 Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
   - 4.1 Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
   - 4.2 Thành lập các Công ty con của Công ty;
   - 4.3 Trong phạm vi quy định tại điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh) quy định tại điều 120.2 Luật doanh nghiệp;
   - 4.4 Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại

hoặc Luật sư của Công ty;

4.5 Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

4.6 Việc Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần;

4.7 Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị thấy cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

4.8 Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ có quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới hoặc những người quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng Quản trị thoả thuận phân phối mức thù lao cho từng thành viên. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty.

7. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành bao gồm cả Chủ tịch, Phó Chủ Tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thành viên Hội đồng Quản trị kiêm những công việc nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

8. Các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác đã chi khi thực hiện trách nhiệm của mình, kể cả chi phí tham dự họp Hội đồng Quản trị, các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 26 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên để bầu ra Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông hàng năm có quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc Công ty. Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị:

2.1 Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị;

2.2 Chỉ đạo việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp;

2.3 Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT;

2.4 Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ

Công ty.

Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị sẽ thay mặt Chủ tịch khi được Chủ tịch ủy quyền thực hiện nhiệm vụ do Chủ Tịch phân công. Trong trường hợp này, Phó chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được uỷ quyền phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết về việc ủy quyền.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải gửi Báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm tra của Ban Kiểm soát cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của mình vì một nguyên do nào đó và sau khi các thành viên HĐQT thông qua các phương tiện thông tin liên lạc đã thông báo cho Chủ tịch HĐQT, kể cả ấn định thời gian trả lời mà vẫn không nhận được phản hồi từ Chủ tịch HĐQT trong thời gian được ấn định thì các thành viên HĐQT có thể bầu một người khác trong số họ để tạm thời thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT.
5. Khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ tạm thời thay thế Chủ tịch để điều hành công việc. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế.

ĐIỀU 27 HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào nếu cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.
2. Họp Hội đồng Quản trị bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường khi một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích và lý do: 02 (hai) thành viên Ban Kiểm soát trở lên, Giám đốc, tối thiểu 05 (năm) người quản lý, hoặc tối thiểu hai (2) thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Hội đồng Quản trị phải tiến hành họp bất thường trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị họp bằng văn bản. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
4. Địa điểm họp: Hội đồng Quản trị sẽ tổ chức họp ở những địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác trong lãnh thổ Việt Nam do Chủ tịch quyết định và được Hội đồng Quản trị nhất trí.

5. Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp theo hình thức từ xa thông qua hệ thống Video Conference, điều kiện đảm bảo cho cuộc họp thành công là tất cả các thành viên dự họp có thể nhìn thấy nhau và cùng nghe thấy khi thành viên Hội đồng Quản trị phát biểu ý kiến. Thủ tục triệu tập nghị sự, biểu quyết, ra Nghị quyết HĐQT, lưu giữ các bằng chứng của cuộc họp và lập Biên bản họp HĐQT phải tuân thủ đúng những quy tắc của cuộc họp trực tiếp.

6. Số lượng thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp Hội đồng Quản trị chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị. Thành viên HĐQT có thể ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

   Trường hợp cuộc họp HĐQT được triệu tập không đủ số thành viên dự họp tối thiểu nêu trên, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp sẽ được tiến hành nếu có từ 01 (một) thành viên HĐQT trở lên dự họp.

7. Biểu quyết:

   7.1 Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.

   7.2 Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc vấn đề mà thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

   7.3 Thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến hợp đồng, giao dịch như quy định tại Điều 120 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng, giao dịch đó.

8. Biểu quyết đa số: Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng biểu quyết đa số và phải được sự tán thành của ít nhất ba (03) thành viên dự họp hoặc đại diện được ủy quyền. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về bên có lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

9. Biểu quyết vắng mặt: Thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt có thể biểu quyết bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải được gửi tới Chủ tịch HĐQT hoặc Thư ký Công ty chậm nhất một (01) ngày trước thời gian họp dự kiến.

10. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải được tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị ký và đáp ứng các điều kiện sau đây:

    10.1 Các thành viên tham gia biểu quyết tại cuộc họp ký;

    10.2 Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp;

    10.3 Nghị quyết có thể được sao ra nhiều bản và gửi cho từng thành viên ký để thông qua.

    Các nghị quyết của HĐQT phải được lưu giữ tại trụ sở Công ty trong thời gian 10 năm kể từ ngày tổ chức cuộc họp.

11. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Biên bản họp Hội đồng Quản trị là văn bản xác thực về những vấn đề đã được bàn bạc và thông qua trong cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và được tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự họp ký.
12. Mời họp: Hội đồng Quản trị nếu xét thấy cần thiết có thể mời Ban Kiểm soát, một số người quản lý của Công ty và các chuyên gia của một bên thứ ba tham dự họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời họp không có quyền biểu quyết.

CHƯƠNG VIII GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHÂN SỰ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

ĐIỀU 28 TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng tổ chức bộ máy điều hành của Công ty, ban hành quy chế tổ chức, hoạt động và các quy chế khác nhằm quản trị Công ty và giám sát hoạt động của bộ máy điều hành của Công ty. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một Giám đốc, một số Phó Giám đốc theo nhu cầu quản lý và Kế Toán trưởng Công ty. Giám đốc và các Phó Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn cơ cấu tổ chức, cơ cấu nhân sự quản lý của Công ty. Nhân sự quản lý của Công ty phải có năng lực và có trách nhiệm trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu và kế hoạch mà Hội đồng Quản trị đã đề ra.
3. Mức lương, thù lao, quyền lợi, trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kế Toán trưởng sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định, được quy định trong hợp đồng lao động. Mức lương, thù lao, quyền lợi và trách nhiệm của những người quản lý khác của Công ty do Giám đốc quyết định theo quy chế của Công ty đã được Hội đồng quản trị phê duyệt và được quy định trong hợp đồng lao động ký với từng người quản lý.

ĐIỀU 29 BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA GIÁM ĐỐC

1. Hội đồng Quản trị sẽ bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng lao động với Giám đốc. Hợp đồng lao động phải quy định rõ mức lương, thù lao, quyền lợi và các điều kiện khác (nếu có).
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng Quản trị có quy định khác. Khi hết nhiệm kỳ, Giám đốc có thể được Hội đồng Quản trị xem xét bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nếu Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm lại Giám đốc, thì Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm xem xét và ký kết lại hợp đồng lao động với Giám đốc.
3. Giám đốc phải có các tiêu chuẩn sau:
   3.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp; có kinh nghiệm và năng lực kinh doanh, hiểu biết pháp luật;

3.2 Có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật và Điều lệ Công ty;

3.3 Không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác;

4. Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

4.1 Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

4.2 Quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và hợp đồng thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty;

4.3 Kiến nghị về số lượng và cơ cấu phòng ban của Công ty cho phù hợp với yêu cầu của công việc;

4.4 Quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều kiện khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động có tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị;

4.5 Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh và tài chính chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, trên cơ sở định hướng kế hoạch kinh doanh và tài chính dài hạn của Công ty;

4.6 Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua;

4.7 Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý Công ty;

4.8 Chuẩn bị các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý của Công ty để phục vụ cho việc giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty. Các báo cáo tài chính, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ... phải trình Hội đồng Quản trị thông qua và bao gồm đầy đủ những thông tin theo quy định của pháp luật và Công ty;

4.9 Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.

5. Báo cáo Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông: Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông khi được yêu cầu.

6. Bãi nhiệm Giám đốc: Hội Đồng Quản Trị sẽ bãi nhiệm Giám Đốc khi có từ ba (03) thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Thành viên HĐQT kiêm Giám Đốc) và HĐQT bổ nhiệm một Giám Đốc mới thay thế.

ĐIỀU 30 THƯ KÝ CÔNG TY

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (01) Thư ký Công ty và quyết định nhiệm kỳ, chức năng và nhiệm vụ của Thư ký Công ty. Chức năng và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông

theo lệnh của Chủ Tịch HĐQT hoặc của Ban Kiểm Soát;

2. Lập biên bản các cuộc họp;
3. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
4. Cung cấp các thông tin, bản sao biên bản họp HĐQT cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
5. Tiếp nhận, báo cáo và phản hồi lại các vấn đề do cổ đông đặt ra.
6. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công ty.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 31 BẦU BAN KIỂM SOÁT

1. Ban Kiểm soát của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu bằng hình thức bầu dồn phiếu và bao gồm tối đa ba (03) thành viên.
2. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ 5 năm và kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.
3. Trong số các thành viên Ban Kiểm soát, ít nhất phải có một (01) thành viên có Trình độ đại học tài chính kế toán. Ban Kiểm soát bầu một trong số các thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát. Thành viên BKS không được giữ các chức vụ quản lý trong Công ty.
4. Thành viên Ban Kiểm soát phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

   4.1 Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết liên tục từ sáu (06) tháng trở lên đề cử; Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ từ trên mười phần trăm (10%) đến ba mươi phần trăm (30%) thì được đề cử một (01) thành viên; nếu chiếm từ trên ba mươi phần trăm (30%) đến năm mươi phần trăm (50%) thì quyền đề cử hai (02) thành viên; nếu từ trên năm mươi phần trăm (50%) đến sáu mươi lăm phần trăm (65%) thì được đề cử ba (03) thành viên; và nếu lớn hơn sáu mươi lăm phần trăm (65%) thì được đề cử bốn (04) thành viên.

   Trong trường hợp số lượng các ứng cử viên BKS thông qua đề cử không đủ số lượng cần thiết thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT hoặc BKS đương nhiệm đề cử.

   4.2 Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật này;

   4.3 Có kinh nghiệm công tác từ ba (03) năm trở lên, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty và hiểu biết về pháp luật;

   4.4 Có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;

   4.5 Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, Giám Đốc và người quản lý khác trong Công ty.

ĐIỀU 32 QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Được Hội đồng Quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định và thay đổi đơn vị Kiểm toán, mức phí kiểm toán và các vấn đề khác liên quan đến kế toán và kiểm toán của Công ty.

2. Thảo luận với đơn vị Kiểm toán về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi tiến hành kiểm toán.
3. Thẩm định các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị. Thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà đơn vị kiểm toán muốn bàn bạc.
5. Thẩm định ý kiến của đơn vị Kiểm toán và ý kiến phản hồi của Ban Điều hành Công ty.
6. Thẩm định báo cáo kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận.
7. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc.
8. Kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, ghi chép và lập sổ sách kế toán và báo cáo tài chính; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, và theo yêu cầu của cổ đông hay nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này.
9. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.
11. Ban Kiểm soát khi thực hiện nhiệm vụ không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.
12. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 33 NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Giám đốc và người quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng các biên bản họp Hội đồng Quản trị cũng sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát.

   Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

   Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Trong nhiệm kỳ, nếu số lượng kiểm soát viên giảm so với quy định tại Khoản 1 Điều 31 của Điều lệ này thì Đại hội đồng cổ đông phải bầu bổ sung trong Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Trường hợp thiếu kiểm soát viên và các kiểm soát viên còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.
3. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

3.1 Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Kiểm soát;

3.2 Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;

3.3 Lập và ký các báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

3.4 Phân công công việc cho các kiểm soát viên phụ trách theo yêu cầu công việc của Công ty.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát mỗi năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy chế tài chính của Công ty.

5. Sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát nhưng phải họp tối thiểu hai (02) lần mỗi năm và số lượng thành viên tham dự tối thiểu trong mỗi cuộc họp phải trên 50% số thành viên Ban kiểm soát.

6. Thành viên Ban Kiểm soát sẽ mất tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

6.1 Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm Soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

6.2 Thành viên đó bị Pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm Soát hoặc bị cách chức Thành viên Ban Kiểm Soát theo quyết định của ĐHĐCĐ.

6.3 Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm Soát trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

6.4 Thành viên Ban Kiểm soát xin từ chức bằng văn bản và gửi Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức phải được các thành viên còn lại nhất trí;

6.5 Cổ đông muốn thay thế người đại diện hoặc người được ủy quyền của mình đang giữ chức vụ kiểm soát viên phải đề xuất bằng văn bản với Hội đồng Quản trị và các kiểm soát viên còn lại để Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

CHƯƠNG X NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

ĐIỀU 34 NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Tất cả các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và những người quản lý của Công ty, trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, có trách nhiệm, vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty;

2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân và cho người khác; không được chuyển tài sản của Công ty cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty trừ trường hợp được Hội đồng Quản trị chấp thuận.

ĐIỀU 35 TRÁCH NHIỆM VÀ BỒI THƯỜNG

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và những người quản lý của Công ty phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của Công ty về những thiệt hại khi:
   1.1 Hành động không trung thực;
   1.2 Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Công ty.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, những người quản lý, nhân viên hoặc đại diện của Công ty trong trường hợp họ đã, đang và có thể bị khiếu nại, kiện, khởi tố dân sự hoặc hành chính khi thực thi nhiệm vụ của Công ty hay các đơn vị thành viên của Công ty với điều kiện là họ đã hành động trung thực, có trách nhiệm, vì lợi ích của Công ty, tuân thủ luật pháp và không có người nào khác xác nhận họ đã có vi phạm. Chi phí bồi thường sẽ bao gồm: chi phí thuê luật sư, chi phí xét xử, tiền phạt và các khoản chi phí hợp lý phát sinh. Công ty có quyền mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng Quản trị, những người quản lý ... để tránh phải chi trả các khoản bồi thường phát sinh.

CHƯƠNG XI TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ TỔ CHỨC XÃ HỘI KHÁC

ĐIỀU 36 TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ TỔ CHỨC XÃ HỘI KHÁC

Các tổ chức Đảng CSVN, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ và các tổ chức đoàn thể khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của Nước CHXHCNVN và Điều lệ của tổ chức đó. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

CHƯƠNG XII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

ĐIỀU 37 CỔ TỨC

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

CHƯƠNG XIII TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ CÔNG TY, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

ĐIỀU 38 TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Công ty mở tài khoản tại một hoặc một số ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.
2. Nếu được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng

ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật nếu xét thấy cần thiết.

ĐIỀU 39 TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

1. Lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi trừ đi các khoản hợp lý, Công ty tiến hành trích lập quỹ dự trữ để bổ sung Vốn điều lệ của Công ty. Khoản trích này không vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.
2. Các quỹ khác do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông bao gồm:
   - 2.1 Quỹ đầu tư và phát triển tối đa 10%;
   - 2.2 Quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa 15%;
   - 2.3 Quỹ khen thưởng theo hiệu quả kinh doanh cho HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, cán bộ chủ chốt tối đa 5%.

   Tùy theo nhu cầu đầu tư phát triển của Công ty trong từng thời kỳ, mức trích Quỹ Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, và quỹ khen thưởng, phúc lợi để ổn định lao động, sẽ được HĐQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh phù hợp.

ĐIỀU 40 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

ĐIỀU 41 HỆ THỐNG KẾ TOÁN

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán.

CHƯƠNG XIV BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TOÁN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

ĐIỀU 42 BÁO CÁO HÀNG NĂM, SÁU THÁNG VÀ HÀNG QUÝ

1. Công ty lập báo cáo tài chính định kỳ và hàng năm theo quy định của Pháp luật hiện hành về kế toán và thống kê.
2. Khi niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, Công ty có nghĩa vụ nộp hoặc công bố những báo cáo này cho những cơ quan hoặc đối tượng theo quy định của Pháp luật hiện hành về Chứng khoán và thị trường chứng khoán. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty

phải được kiểm toán và tùy theo quy định của Pháp luật hiện hành trong từng trường hợp cụ thể, báo cáo tài chính của giai đoạn tài chính khác có thể phải được kiểm toán.

3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và trình Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát xem xét.

4. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo và tài liệu sau đây:

   4.1 Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;

   4.2 Báo cáo tài chính;

   4.3 Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty;

   4.4 Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ hoạt động kinh doanh, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức . . .

   4.5 Các báo cáo và tài liệu khác nếu cần thiết.

ĐIỀU 43 KIỂM TOÁN

1. Theo đề xuất của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT.

2. Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo bộ phận chuyên trách chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau thời điểm kết thúc năm tài chính để phục vụ cho việc lập kế hoạch kiểm toán.

3. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty sẽ được tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đền liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XV CON DẤU

ĐIỀU 44 CON DẤU

1. Hội đồng Quản trị sẽ thông qua và khắc con dấu chính thức của Công ty theo quy định của Bộ Công an. Trước khi sử dụng, con dấu phải được đăng ký tại Cơ quan Công an có thẩm quyền, cơ quan đăng ký kinh doanh và các ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản.

2. Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải được Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc ký và đóng dấu. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty chỉ được sử dụng con dấu theo đúng Quy định về việc sử dụng con dấu do Hội đồng Quản trị ban hành.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

ĐIỀU 45 CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

1. Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
   1.1 Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
   1.2 Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
   1.3 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định giải thể Công ty phải được thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền biết hoặc chấp thuận phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 46 GIẢI QUYẾT BẾ TẮC GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CỔ ĐÔNG

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông hay nhóm cổ đông nắm giữ trên 75% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty có quyền yêu cầu giải thể Công ty, nếu một trong các trường hợp sau đây xảy ra:

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng Quản trị hoạt động;
2. Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
3. Các cổ đông bất đồng nội bộ và các phe phái trong cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể Công ty được coi là phương án có lợi nhất cho toàn thể cổ đông.

ĐIỀU 47 THANH LÝ CÔNG TY

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên: Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý Công ty sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban Thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính có thẩm quyền.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
   - 3.1 Chi phí thanh lý;
   - 3.2 Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên Công ty;
   - 3.3 Thuế và các khoản phải trả cho Nhà nước;
   - 3.4 Các khoản vay (nếu có);
   - 3.5 Các khoản nợ khác của Công ty;
   - 3.6 Phần còn lại sẽ được phân chia cho các cổ đông. Trong đó các cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 48 GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

1. Khi xảy ra tranh chấp hay khiếu nại về hoạt động của Công ty hoặc quyền của các cổ đông phát sinh từ các quy định của Điều lệ hoặc các quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật khác giữa: (a) Một (01) cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Công ty và (b) Một (01) cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý của Công ty, thì các bên liên quan sẽ trước hết giải quyết tranh chấp bằng thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ là người chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu các bên giải trình các vấn đề tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thì các bên có thể chỉ định bên thứ ba bất kỳ làm trọng tài giải quyết tranh chấp.
2. Nếu vấn đề tranh chấp không hoà giải được trong vòng sáu (06) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, thì một trong các bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa Kinh tế để giải quyết. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ là đại diện trước pháp luật của Công ty trong quá trình tố tụng.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí phát sinh trong quá trình thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp được đưa ra toà xét xử, Toà kinh tế sẽ phán quyết bên nào phải chịu chi phí xét xử và các chi phí liên quan.

CHƯƠNG XVIII SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 49 SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

1. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
2. Trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc những quy định của pháp luật mới ban hành khác với những quy định trong điều

lệ này, thì những quy định của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XIX NGÀY HIỆU LỰC

ĐIỀU 50 NGÀY HIỆU LỰC

1. Điều lệ này bao gồm mười chín (19) Chương và năm mươi mốt (51) Điều; và đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á nhất trí thông qua ngày 24 tháng 08 năm 2008 tại Tỉnh Đồng Nai, thay thế bản Điều lệ cũ lập ngày 29 tháng 03 năm 2007.
2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành với tất cả các cổ đông kể từ ngày 24 tháng 08 năm 2008 và đăng ký kinh doanh tại Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Đồng Nai.
3. Điều lệ được lập bằng tiếng Việt và được lập thành mười (10) bản, có giá trị pháp lý như nhau.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc công chứng Nhà nước mới có giá trị.

ĐIỀU 51 CHỮ KÝ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

1. TỔNG CÔNG TY CP MAY VIỆT TIẾN

NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG BÙI VĂN TIẾN TRẦN MINH CÔNG

2. CÔNG TY CP CƠ KHÍ THỦ ĐỨC

NGUYỄN QUANG MINH

3. CÔNG TY CP MAY VIỆT THỊNH

NGUYỄN ĐÌNH CHƯƠNG

4. CÔNG TY CP VIỆT HƯNG

PHAN CÔNG MINH

5. NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG Á

TRẦN PHƯƠNG BÌNH

6. NGUYỄN VĂN QUẢNG